

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

* Quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng đất thứ nhất: Diện tích: 2.309,0 m², địa chỉ: Thôn Pạc Po, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh; thời hạn sử dụng đất: đến tháng 8/2062; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Thu số phát hành BG 955751, số vào sổ CH 00036/QSĐĐ/136/QĐ-UBND do UBND huyện Mường Khương cấp ngày 22 tháng 10 năm 2012. Tài sản đang thế chấp tại Agribank Việt Nam – Chi nhánh Bát Xát Lào Cai II theo Hợp đồng tín dụng số 8803LAV202501568 ngày 10/11/2025.

- Quyền sử dụng đất thứ hai: Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 1.270,79 m² tại thửa đất số: 1128, tờ bản đồ số: 2, địa chỉ: Thôn Pạc Po, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất; Thời hạn sử dụng đất đến tháng 02/2057; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất (nhận chuyển nhượng). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Thu số phát hành BG 955708, số vào sổ CH 00025/QSĐĐ/1841/QĐ-UBND do UBND huyện Mường Khương cấp ngày 27 tháng 8 năm 2012.

- Quyền sử dụng đất thứ ba: Diện tích 2.289,9 m², địa chỉ: Thôn Pạc Po, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; thời hạn sử dụng đất: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 27/12/2064; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Thu số phát hành BP 717458, số vào sổ CH 00061/QSĐĐ/404/QĐ-UBND do UBND huyện Mường Khương cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tài sản đang thế chấp tại Agribank Việt Nam – Chi nhánh Bát Xát Lào Cai II theo Hợp đồng tín dụng số 8803LAV202501568 ngày 10/11/2025.

- Quyền sử dụng đất thứ tư: Diện tích đất thực tế đang sử dụng 1.354,7 m², địa chỉ: Thôn Pạc Po, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;

thời hạn sử dụng đất: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 26/12/2064; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Ngọc Văn (ngày 31/7/2017 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu) số phát hành BP 717457, số vào sổ CH 00060/QSĐĐ/404/QĐ-UBND do UBND huyện Mường Khương cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tài sản đang thế chấp tại Agribank Việt Nam – Chi nhánh Bát Xát Lào Cai II theo Hợp đồng tín dụng số 8803LAV202501568 ngày 10/11/2025.

* Tài sản gắn liền với đất đã kê biên gồm:

- 01 (một) nhà hải quan:

Loại nhà xây cấp IV, có chiều dài 9,10 m, chiều rộng 5,55 m, diện tích xây dựng 50,5 m² (tính đến giọt檐), chiều cao 3,10 m, tường xây 110, lợp mái tôn xộp, nền lát gạch Cramic (50 cm x 50 cm), có 01 cửa ra vào làm bằng nhôm và kính (loại 02 cánh), có 03 cửa sổ làm bằng nhôm kính (loại 02 cánh). Vị trí: Nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 717457. Bên trong nhà có 01 phòng vệ sinh có cửa ra vào loại 01 cánh làm bằng nhôm kính (trong phòng vệ sinh có 01 vòi sen tắm, 01 vòi sịt, 01 chậu rửa, 01 bệ xí bệt); có 01 bộ chậu và vòi sen rửa bát và 01 cửa ra vào bếp loại 01 cánh làm bằng nhôm kính..

- 01 (một) nhà cột sắt mái tôn: Loại nhà cột sắt mái tôn bán kiên cố, có chiều dài 22,45 m, chiều rộng 6,6 m, diện tích xây dựng 148,17 m² (tính đến giọt檐), chiều cao 3,6 m, tường xây 110 bằng gạch cao 0,8 m, bên trên tường gạch là lưới sắt B40, mái lợp tôn xộp, nền bê tông. Vị trí nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 717457. Bên trong nhà không có tài sản gì.

- 01 (một) nhà ở công nhân: Loại nhà xây cấp IV, có chiều dài 10,6 m, chiều rộng 10,2 m, diện tích xây dựng 108,12 m² (tính đến giọt檐), chiều cao 3,7 m, tường xây 110, mái lợp tôn xộp, nền lát gạch Cramic (40 cm x 40 cm), ốp trần nhựa, có 02 cửa ra vào làm bằng nhôm và kính (loại 01 cánh), có 03 cửa sổ làm bằng nhôm kính (loại 02 cánh cửa lùa). Vị trí nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 955708. Bên trong nhà không có tài sản gì.

- 01 (một) nhà không tường lợp mái tôn, vách kính:

Loại nhà bán kiên cố (bên phải, bên trái mượn tường, phía sau tường xây 110, mặt tiền tường làm bằng nhôm kính), có chiều dài 5,8 m, chiều rộng 9,6 m, diện tích xây dựng 55,68 m² (tính đến giọt檐), chiều cao 3,7 m, mái lợp tôn xộp, nền lát gạch Cramic (40 cm x 40 cm). Vị trí: Ngôi nhà nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 955751. Bên trong nhà không có tài sản gì.

- 01 (một) điều hành công nhân: Loại nhà xây cấp IV, có chiều dài 11,9 m, chiều rộng 6,25 m, diện tích xây dựng 74,4 m² (tính đến giọt檐), chiều cao 3,7 m, tường xây 220, lợp mái tôn xộp, nền lát gạch Cramic (40 cm x 40 cm), có 03 cửa ra vào làm bằng nhôm và kính (loại 01 cánh), có 02 cửa sổ làm bằng nhôm kính (loại 02 cánh cửa lùa). Nhà được xây dựng vào tháng 03/2014. Ông Anh, bà Thu cho biết đưa vào sử dụng tháng 10/2014, nguyên giá là 270.000.000 đồng. Vị

trí: Ngôi nhà nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 955751. Bên trong nhà không có tài sản gì.

- 01 (một) nhà bếp mái tôn không tường: Bếp mượn tường 4 xung quanh, nền bê tông, lợp tôn, tổng diện tích mái tôn là 44, 24 m². Vị trí: Ngôi nhà nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 955751.

- 01 (một) hiên mái tôn trải dài theo 03 nhà điều hành và nhà ở công nhân: Có chiều dài 28,2 m, chiều rộng 02 m, nền đổ bê tông, diện tích mái tôn là 56,4 m².

- 02 (hai) nhà bảo vệ, trong đó:

+ Nhà bảo vệ số 1: Loại nhà cấp III mái bằng, có chiều dài 6,5 m, chiều rộng 4,7 m, diện tích xây dựng 30,55 m², chiều cao 2,85 m, tường xây 220 bằng gạch, có 01 cửa ra vào làm bằng nhôm và kính (loại 01 cánh), có 02 cửa sổ làm bằng nhôm kính (loại 02 cánh). Vị trí: Nằm trên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 955708 và BP 717457. Bên trong nhà không có tài sản gì. Nhà được xây dựng tháng vào tháng 10/2016.

+ Nhà bảo vệ số 2: Loại nhà cấp III mái bằng, có chiều dài 5,3 m, chiều rộng 3,7 m, diện tích xây dựng 19,61 m², chiều cao 2,9 m, tường xây 220 bằng gạch, có 01 cửa ra vào không còn cánh cửa, có 02 cửa sổ làm bằng nhôm kính (loại 02 cánh). Vị trí: Nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 717458. Bên trong nhà không có tài sản gì. Nhà được xây dựng vào tháng 10/2016.

- 03 (ba) nhà vệ sinh tường chịu lực, trong đó:

+ Nhà vệ sinh số 1: Loại nhà xây đổ mái bằng, tường xây 110 bằng gạch, có chiều dài 3,6m, chiều rộng 2,0 m, diện tích xây dựng 7,2 m², chiều cao 2,8 m, có 03 cửa ra vào làm bằng nhôm và kính (loại 01 cánh), sàn lát gạch chống trơn, có 03 bệ sí bệt, trên mái có 01 téc nước nhãn hiệu Việt Mỹ loại 1,5 m³.

+ Nhà vệ sinh số 2: Loại nhà xây đổ mái bằng, tường xây 110 bằng gạch, có chiều dài 4,1 m, chiều rộng 4,5 m, diện tích xây dựng 18,45 m², chiều cao 2,7 m, có 02 cửa ra vào không có cánh cửa, sàn lát gạch chống trơn, có 01 chậu rửa tay bằng sứ, trên mái có 01 téc nước nhãn hiệu Việt Mỹ loại 1,5 m³.

+ Nhà vệ sinh số 3: Loại nhà xây đổ mái bằng, tường xây 110 bằng gạch, có chiều dài 4,1 m, chiều rộng 4,7 m, diện tích xây dựng 19,27 m², chiều cao 2,7 m, sàn lát gạch chống trơn, có 04 bệ sí bệt, có 04 cửa ra vào làm bằng nhôm và kính (loại 01 cánh), trên mái có 01 téc nước nhãn hiệu Việt Mỹ loại 1,5 m³.

Cả 03 nhà vệ sinh nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 955751.

- 01 (một) bể nước: Có chiều dài 06 m, chiều rộng 02 m, diện tích xây dựng 12 m², chiều cao 1,4 m, tường xây 220, nắp đậy làm bằng tấm bê tông. Vị trí nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 955751.

- 01 (một) khung đỡ téc nước (cạnh nhà hải quan – phía bên trái nhà): Khung đỡ téc nước làm bằng sắt L 50 x 50, bên trên có téc nước Sơn Hà loại 02 m³.

- Tường rào gồm:

+ Tường xây gạch chỉ 110, tổng chiều dài là 39,3 m, chiều cao trung bình là 2,3m;

+ Tường gạch bê tông, tổng chiều dài là 232,1, chiều cao trung bình là 2,5 m;

- 02 (hai) cổng, gồm 01 cổng vào, 01 cổng ra:

+ 01 cổng vào giáp nhà cột sắt mái tôn, có chiều dài 7,8 m, cao 1,8 m, làm bằng tôn khung sắt, có đường day làm bằng sắt, có 02 trụ gạch hai bên kích thước 60 cm x 60 cm, cao 2,8 m, nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 717457.

+ 01 cổng ra giáp đường tỉnh lộ 154, có chiều dài 7,8 m, cao 1,8 m, làm bằng tôn khung sắt, có đường day làm bằng sắt, có 02 trụ gạch hai bên kích thước 60 cm x 60 cm, cao 2,8 m, nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 717458;

- 01 (một) Giếng khoan: không đo được chiều sâu, hiện không sử dụng.

- 39 (ba mươi chín) cây trồng trên đất (gồm 34 cây sao đen, 01 cây xoài to, 04 cây lộc vừng): Đường kính thân cây to nhất khoảng 20 cm, nhỏ nhất là 10 cm, toàn bộ số cây đang phát triển bình thường.

- 04 (bốn) cột điện thép, trong đó: 01 cột điện tròn mạ kẽm D76, cao 4,5m; 03 cột điện thép V 50 x 50 x 5, cao 4,5 m.

2. Giá khởi điểm: 5.463.530.205 đ (Năm tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn hai trăm linh năm đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

Công ty đấu giá hợp danh Phúc Hưng, địa chỉ: Số 427 Bát Khối, tổ 19, phường Long Biên, Hà Nội. Chi nhánh tại Lào Cai, địa chỉ: Số nhà 58 đường Ngô Sỹ Liên, tổ dân phố Đồng Tâm 14, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. Tổng điểm: 92 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

Đề nghị Công ty đấu giá hợp danh Phúc Hưng liên hệ Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Lào Cai để nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản bán đấu giá làm cơ sở ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định.

(Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Lào Cai thông báo để các bên đương sự được biết./.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn).

TT	NỘI DUNG	Mức tối đa	Công ty đấu giá hợp danh Phúc Hưng
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		

1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0	16
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đim giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4

IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	54
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0	15
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0	7
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0	7
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0	3
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0	3
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề	0	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo	0	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0	5
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	4
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	

6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	4,0	3
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	3
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	5
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	3
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3,0	3
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0	
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	
4.	Tiêu chí khác	3,0	
	Tổng	100	92

Nơi nhận:

- Cổng TTĐT quốc gia về ĐGTS (để đăng tải);
- Trang TTĐT THADS tỉnh Lào Cai (để đăng tải);
- Cổng TTĐT của Cục quản lý THADS (để đăng tải);
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 9 - Lào Cai;
- Dương sự (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN**Giàng Seo Sín**